

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 6 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo quyết định số 21/QĐ-CDKTKT ngày 04 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh)

Tên ngành, nghề: Tài chính-ngân hàng
Mã ngành, nghề: 6340202
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo: 2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Tài chính ngân hàng nhằm đào tạo các cử nhân kinh tế có hiểu biết về lĩnh vực tài chính và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, từ đó vận dụng các lý thuyết tài chính, ngân hàng để phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế nói chung và thực hiện các nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

1.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Nắm được kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng CSVN, pháp luật của Nhà nước Việt Nam.

- Hiểu biết cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.

- Nhận thức được những vấn đề về quốc phòng an ninh trong tình hình mới.

1.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

Có kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính – tiền tệ, thống kê, kế toán, tài chính phục vụ cho việc học các môn chuyên ngành.

1.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, tài chính trong việc thực hiện nghiệp vụ tài chính doanh nghiệp và tài chính ngân hàng được giao;

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, tài chính doanh nghiệp và tài chính ngân hàng, giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp và tài chính ngân hàng, có kiến thức cơ bản và nâng cao về ngân hàng trung ương, tiền tệ ngân hàng và thị trường chứng khoán;

- Vận dụng được kiến thức về phân tích tài chính vào trong doanh nghiệp với những khía cạnh phân tích chính: tình hình huy động, sử dụng vốn; kết quả kinh doanh; tình hình thanh toán; khả năng sinh lời; dự án đầu tư của doanh nghiệp;

- Xác định được từng loại hình cho vay của ngân hàng, hồ sơ vay vốn ngân hàng; Xác định được các nội dung kế toán huy động, tín dụng, thanh toán tại ngân hàng; nội dung kế toán tổng hợp, thanh toán điện tử liên ngân hàng, gửi tiết kiệm, cho vay, quyết toán; Và các phương tiện thanh toán quốc tế, phương thức giao dịch thương mại, dịch vụ và quốc tế;

- Đánh giá được tình hình hoạt động tài chính của công ty và ngân hàng.

1.2.2. Kỹ năng:

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Tổ chức được công tác tài chính phù hợp với từng doanh nghiệp;

- Lập được các chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán tài chính - kế toán ngân hàng;

- Ứng dụng được các phương thức, biện pháp huy động vốn, cho vay, cho thuê vào các ngân hàng;

- Thiết lập được mối quan hệ với doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng;

- Lập được chính xác các loại báo cáo tài chính theo quy định;

- Phân tích được tình hình kinh tế, tài chính của khách hàng;

- Có kỹ năng nghiệp vụ của nhân viên văn phòng;

- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động thương mại - dịch vụ phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở ngân hàng;

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ tương đương B1 (khung năng lực 6 bậc Châu Âu);

- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc đạt trình độ sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản;

- Kỹ năng mềm: Có khả năng giao tiếp tốt, rèn luyện được kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo.

1.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Vận dụng được kiến thức đã học để rèn luyện để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức tốt và năng lực hoàn thành nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;
- Có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác;
- Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;
- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ứng dụng nhu cầu của công việc.
- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại ngân hàng ở các vị trí như: Giao dịch viên, Quan hệ khách hàng, Hỗ trợ tín dụng, Chăm sóc khách hàng, Thẩm định tín dụng, Thanh toán quốc tế hoặc ở Bộ phận tài chính - kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 30 môn
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 81 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/dại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.410 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 635 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm và kiểm tra: 1.210 giờ

3. Nội dung chương trình:



| Mã MH/MĐ | Tên môn học | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|-------------|---------------------------------------|------------|-------------------------|------------|-----------------------------|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/bài tập | Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | 21 | 435 | 157 | 255 | 23 |
| MH3108019 | Giáo dục Chính trị | 4 | 75 | 41 | 29 | 5 |
| MH3108103 | Pháp luật | 2 | 30 | 18 | 10 | 2 |
| MH3109105 | Giáo dục thể chất | 2 | 60 | 5 | 51 | 4 |
| MH3109020 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 4 | 75 | 36 | 35 | 4 |
| MH3101201 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH3107206 | Tiếng Anh 1 | 3 | 60 | 22 | 35 | 3 |
| MH3107207 | Tiếng Anh 2 | 3 | 60 | 20 | 37 | 3 |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | 60 | 1.410 | 478 | 886 | 46 |
| II.1 | Môn học cơ sở | 19 | 420 | 163 | 239 | 18 |
| MH3104138 | Kinh tế vi mô | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH3042205 | Kinh tế vĩ mô | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH3104118 | Nguyên lý kế toán | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3104119 | Nguyên lý thống kê | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH3042206 | Tài chính tiền tệ | 3 | 45 | 43 | 0 | 2 |
| MH3104121 | Luật kinh tế | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH3042207 | Marketing ngân hàng | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH3104140 | Nghiệp vụ văn phòng | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MĐ3042208 | Kiên tập doanh nghiệp | 1 | 45 | 0 | 43 | 2 |
| II.2 | Môn học chuyên môn | 32 | 795 | 240 | 535 | 20 |
| MH3104334 | Thanh toán quốc tế | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3104303 | Thị trường chứng khoán | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3042214 | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH3104305 | Kế toán ngân hàng | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3104307 | Tài chính doanh nghiệp 1 | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3104308 | Tài chính doanh nghiệp 2 | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3104331 | Nghiệp vụ thẩm định tín dụng | 3 | 75 | 15 | 58 | 2 |
| MH3104311 | Phân tích báo cáo tài chính | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MĐ3104332 | Nghiệp vụ giao dịch ngân hàng | 3 | 60 | 30 | 26 | 4 |
| MĐ3104905 | Thực tập doanh nghiệp | 5 | 225 | 0 | 225 | 0 |
| II.3 | Môn học tự chọn | 9 | 195 | 75 | 112 | 8 |
| | Tự chọn A (5 TC) | 5 | 105 | 45 | 56 | 4 |
| MĐ3104917 | Khóa luận (hoặc thay thế 2 môn) | 5 | | | | |
| MĐ3042209 | Mô hình tài chính | 3 | 60 | 30 | 28 | 2 |
| MH3104310 | Bảo hiểm | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| | Tự chọn B (4 TC) | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| MH3104314 | Kinh doanh ngoại hối | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| MH3104316 | Tài chính quốc tế | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |

| Mã MH/MĐ | Tên môn học | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|------------------|-----------------------------|------------|-------------------------|------------|-----------------------------|-----------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/bài tập | Kiểm tra |
| MH3104317 | Tiếng Anh chuyên ngành TCNH | 2 | 45 | 15 | 28 | 2 |
| Tổng cộng | | 81 | 1.845 | 635 | 1.141 | 69 |

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học (đính kèm_BM07b)

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình: chương trình đào tạo theo hình thức tín chỉ

5.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

| Số TT | Nội dung | Thời gian |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Thể dục, thể thao: | Ngoài giờ học hàng ngày |
| 2 | Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Đi thực tế | Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học |

5.3. Tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Phương pháp, thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình môn học, chương trình mô đun.

5.4. Thực tập tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

+ Người học phải tích lũy tối thiểu 2/3 số tín chỉ trong chương trình đào tạo mới được đi thực tập doanh nghiệp.

+ Người học phải làm khóa luận (hoặc học các môn thay thế), học hết chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.



+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp (*trình độ cao đẳng*) và các qui định liên quan để xét cấp bằng tốt nghiệp và công nhận "*Danh hiệu cử nhân thực hành*" theo qui định.

5.5. Các chú ý khác:

Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải học bổ sung các môn như sau nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra theo quy định:

- Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Học các lớp bổ sung và thi đạt kỳ thi chuẩn đầu ra của trường tương đương trình độ B1 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho người Việt Nam.
- Tin học: Người học phải đạt Chứng chỉ Ứng dụng CNTT Cơ bản hoặc tương đương.
- Kỹ năng mềm: Học lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm.



Khê Văn Mạnh

TRƯỞNG PHÒNG
QLĐT&NCKH

Hồ Văn Nhật

TRƯỞNG KHOA

Bùi Thị Phương Linh